TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 463/2018/DS-PT
Ngày: 10/5/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm*:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Đức Toàn
2. Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2018 và ngày 10/5/2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2018/TLPT-DS ngày 28/02/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1752/2018/QĐXXPT-DS ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Nhật L, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: 2B/1/36 BĐ, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn CTM.
Địa chỉ: 136 BTĐ(tên cũ ĐM), Khu phố MB, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Huỳnh Kim N, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1958 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 4A29 Ấp B, xã PVH, huyện BC, , Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Trương Nhật L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2016, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trương Nhật L trình bày:

Ngày 06/6/2014, bà và ông Huỳnh Kim N – Trưởng Văn phòng Luật sư CTM(nay là Công ty Luật TNHH CTM) ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 79/2014/HĐ với nội dung: Bà ủy quyền cho Luật sư Huỳnh Kim N đại diện cho bà liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết hồ sơ khiếu nại Quyết định hành chính số 10461/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 và Quyết định số 5283/QĐ-UBND ngày 15/5/2014 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, với giá 200.000.000 đồng gồm mức thù lao 100.000.000 đồng và chi phí thực hiện 100.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký kết và thanh toán thù lao cho đến khi có quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2014, bà ký giấy ủy quyền cho ông N được thay mặt bà liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền để thương lượng, giải quyết việc khiếu nại.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N không thực hiện công việc như đã thỏa thuận trong hợp đồng, không báo tiến trình thực hiện công việc, không liên lạc với các cơ quan có thẩm quyền để theo dõi hồ sơ.

Bà đã thông báo với ông N về việc chấm dứt hợp đồng qua email và tin nhắn thoại. Sau khi thông báo bà đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại, nhắn tin và tìm đến công ty nhưng không liên lạc được với ông Ngân.

Bà yêu cầu chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý số 79/2014/HĐ ngày 06/6/2014 và yêu cầu Công ty Luật TNHH CTM trả lại cho bà số tiền 180.000.000 đồng do công ty không thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Bà chỉ đồng ý chịu chi phí 20.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty Luật TNHH CTM ủy quyền cho ông Nguyễn Thái H trình bày:

Văn phòng Luật sư CTM được thành lập ngày 09/6/2010 đến ngày 20/7/2015 được chuyển đổi thành Công ty Luật TNHH CTM.

Ông xác nhận ngày 06/6/2014, ông Huỳnh Kim N – Trưởng Văn phòng Luật sư CTM và bà Trương Nhật L có ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý số 79/2014/HĐ với nội dung: Luật sư Ngân làm đại diện theo ủy quyền của bà Lđể khiếu nại quyết định hành chính theo quy định của pháp luật. Bà L đã thanh toán thù lao và chi phí theo thỏa thuận của hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý, bà L đã cung cấp cho Văn phòng những chứng cứ tài liệu liên quan đến vụ việc để luật sư tiến hành đọc, nghiên cứu và có kế hoạch bảo vệ cho khách hàng trong quá trình khiếu nại. Tiến trình thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý như sau:

Ngày 14/6/2014, tại Văn phòng Công chứng Bình Tân, bà L đã ký giấy ủy quyền cho Luật sư N theo thỏa thuận.

Sau khi làm đơn khiếu nại theo quy định của pháp luật, Luật sư N cùng khách hàng nộp đơn khiếu nại tại Cơ quan Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh

vào ngày 17/6/2015 (có biên nhận). Cơ quan Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ sang Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh và đến ngày 13/8/2014, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ra thông báo về việc giải quyết khiếu nại.

Ngày 02/10/2014, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, ông Ncùng bà Llàm việc với cán bộ thanh tra và cùng ký vào biên bản làm việc, ông Nký tên với tư cách là người đại diện theo ủy quyền.

Sau đó, để giải quyết khiếu nại, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xác minh theo quy định của pháp luật. Để thực hiện tiếp công việc theo hợp đồng ông Ncó thực hiện một số công việc như sau:

Ngày 15/12/2004, ông Ngửi văn bản đến Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và được Sở Xây dựng phản hồi bằng văn bản số 568/SXD ngày 15/01/2015.

Do vụ việc lâu chưa được xử lý, ngày 20/4/2015 ông Ngửi văn bản đến Văn phòng tiếp công dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường. Ngày 26/5/2015, ông Ncó nhận phản hồi của Văn phòng tiếp công dân Thành phố Hồ Chí Minh bằng văn bản số 745/PC-TCD.

Ngoài ra, ông N còn liên hệ Tòa án nhân dân quận Bình Tân để nghiên cứu hồ sơ tranh chấp giữa bà L với ông Trần Văn A liên quan đến thửa đất mà ông Nđại diện ủy quyền khiếu nại.

Liên hệ Ủy ban nhân dân quận Bình Tân để nghiên cứu hồ sơ liên quan đến việc khiếu nại trước đó của bà L đối với các quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Liên hệ với Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B để nghiên cứu hồ sơ khiếu nại các quyết định cưỡng chế các công trình xây dựng trên phần đất mà ông Nđại diện ủy quyền khiếu nại.

Trong quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng, ông N đã trao đổi với khách hàng bằng email, tổng cộng 32 thư gửi qua lại. Mỗi tuần hoặc hoặc nửa tháng (trừ những ngày cận tết và sau tết), ông Nđều gặp trực tiếp khách hàng để tư vấn pháp luật, trao đổi, thông báo nội dung vụ việc.

Ông Nđã nhiều lần giải thích cho bà L là Luật sư thực hiện công việc dựa trên cơ sở pháp luật mặc dù sự chậm trễ giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của khách hàng, việc chậm giải quyết không phải do lỗi của luật sư gây ra. Đồng thời luật sư không được hứa hẹn kết quả vụ việc dưới bất kỳ hình thức nào ghi trong Điều 5 của hợp đồng và luật sư không thực hiện bất cứ yêu cầu nào của khách hàng nếu yêu cầu đó trái pháp luật. Những yêu cầu của bà L đã được ông Nthực hiện thông qua biên bản làm việc với cơ quan có thẩm quyền và đặt dưới sự giám sát của bà L(bà L không đồng ý một mình ông N liên hệ với cơ quan giải quyết và bà L đọc trực tiếp các văn bản trước khi ký), còn việc có chấp nhận yêu cầu của bà L hay không là do cơ quan chức năng quyết định, luật sư không có quyền quyết định hay hứa hẹn kết quả.

Ngày 30/6/2015, ông N nhận được văn bản của bà L gửi đến với nội dung: Bà L thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý và yêu cầu ông N trả lại thù lao và chi phí. Tuy nhiên căn cứ vào Điều 7 của hợp đồng, khách hàng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải có nghĩa vụ thanh toán thù lao và chi phí theo thỏa thuận; bà L đã thanh toán đầy đủ thù lao và chi phí thỏa thuận tại thời điểm đơn phương chấm dứt hợp đồng nên ông N không yêu cầu khách hàng thanh toán thù lao theo Điều 7 của hợp đồng và không có nghĩa vụ hoàn trả thù lao và chi phí đã nhận.

Kể từ ngày 30/6/2015 đến nay, ông N không nhận bất kỳ thừ mời hay triệu tập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp tục giải quyết công việc mà ông Nđược ủy quyền.

Mặc dù bà L đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý nhưng ông Nvẫn mong muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng dựa trên cơ sở tuân thủ pháp luật và quy tắc đạo đức, ứng xử nghề luật sư.

Nay ông N không đồng ý hoàn trả thù lao và chi phí đã nhận với lý do ngoài thỏa thuận trong hợp đồng, xét về quá trình thực hiện hợp đồng thì vụ việc của bà Lcó tính chấp phức tạp, có quá nhiều tài liệu cần xác minh, nghiên cứu, giá trị tranh chấp khá lớn nên đòi hỏi ông N phải bỏ ra nhiều công sức, nhiều người cùng nghiên cứu cùng với khoảng thời gian rất dài (trên 12 tháng), tiếp xúc với nhiều cơ quan hữu quan… bên cạnh đó, Văn phòng Luật sư phải chịu nhiều chi phí hoạt động như thuê mặt bằng, lương nhân viên, đi lại… Tất cả những vấn đề trên ông Nđã giải thích rõ cho bà L khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Tại đơn đề nghị ngày 11/01/2018, ông Nguyễn Thái H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tự nguyện hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng là tiền chi phí thực hiện hợp đồng.

Tại Bản án số 45/2018/DS-ST ngày 15/01/2018, Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý số 79/2014/HĐ ngày 06/6/2014 giữa Công ty Luật TNHH CTMvà bà Trương Nhật L.

Buộc Công ty Luật TNHH CTM có trách nhiệm trả lại cho bà Trương Nhật L số tiền 60.000.000 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trương Nhật L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Luật TNHH CTM chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty Luật TNHH CTMphải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Công ty Luật TNHH CTM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng.

Bà Trương Nhật L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên một phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận (120.000.000 đồng) là 6.000.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí số 0000211 ngày 24/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân. Bà L còn phải nộp thêm 1.500.000 đồng.

3. Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/01/2018, nguyên đơn bà Trương Nhật L nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Trương Nhật L kháng cáo cho rằng Công ty Luật TNHH CTM có chất lượng kém, chưa mẫn cán với công việc nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã không giải quyết đơn khiếu nại lần hai của bà theo thẩm quyền mà để Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh chuyển đơn về Ủy ban nhân dân quận Bình Tân giải quyết là vi phạm Luật khiếu nại, làm vụ việc kéo dài là do lỗi của Công ty Luật TNHH Chân Thiện Mỹ. Do đó, yêu cầu Công ty Luật TNHH CTM trả lại cho bà số tiền 150.000.000 đồng.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời các đương sự trong vụ án đã được thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Căn cứ hợp đồng dịch vụ pháp lý số 79/2014/HĐ ngày 06/6/2014 được ký giữa bà Trương Nhật L với Văn phòng Luật sư CTM có nội dung như sau: Bà L ủy quyền cho Luật sư Huỳnh Kim N đại diện tham gia giải quyết vụ khiếu nại Quyết định hành chính số 10461/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 và Quyết định số 5283/QĐ-UBND ngày 15/5/2014 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân và tư vấn pháp luật liên quan đến tranh chấp trên. Thời hạn hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký kết và thanh toán thù lao cho đến khi có quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Mức thù lao là 100.000.000 đồng và chi phí thực hiện công việc là 100.000.000 đồng. Bị đơn xác nhận đã nhận đủ tiền.

Theo hợp đồng dịch vụ pháp lý nêu trên, bà L đã ký giấy ủy quyền cho Luật sư Ngân đại diện tham gia giải quyết khiếu nại Quyết định hành chính số 10461/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 và Quyết định số 5283/QĐ-UBND ngày 15/5/2014 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân. Ngày 30/6/2015, bà Lgửi văn bản cho ông Nthông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý và yêu cầu ông Ntrả lại thù lao và chi phí với lý do luật sư không theo dõi, bám sát hồ sơ và không tư vấn pháp luật rõ ràng liên quan đến khiếu nại, không theo hướng

mà khách hàng đặt ra. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh là bị đơn đã tiến hành thực hiện công việc như thỏa thuận như gồm: Biên nhận hồ sơ khiếu nại tố cáo, Văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, bị đơn có đến làm việc tại Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng tiếp công dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời có gửi email cho nguyên đơn kèm theo các tài liệu giải quyết khiếu nại. Như vậy, với các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp cũng như lời thừa nhận của đương sự thể hiện bị đơn đã thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý nhưng thời gian và kết quả giải quyết vụ việc như thế nào là thuộc thẩm quyền của cơ quan chức năng do khách quan không phải lỗi của bị đơn. Ngoài ra, theo hợp đồng thì các đương sự thỏa thuận thù lao, chi phí được tính theo vụ việc và các bên không có thỏa thuận từng giai đoạn thực hiện cụ thể hợp đồng như thế nào, nên bà L đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 150.000.000 đồng là không có cơ sở. Bên cạnh đó, đến nay công việc thỏa thuận chưa hoàn thành và cũng chưa có kết quả cuối cùng của cơ quan chức năng là lỗi khách quan, phía bị đơn cũng tự nguyện trả cho bà L số tiền 60.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lvà giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Công ty Luật TNHH CTM ủy quyền cho ông Nguyễn Thái H đại diện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phiên tòa ngày 04/5/2018. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 79/2014/HĐ ngày 06/6/2014 được ký kết giữa Văn phòng Luật sư CTM với bà Trương Nhật L có nội dung như sau: Bên A cử Luật sư Huỳnh Kim N đại diện theo ủy quyền cho bên B tham gia giải quyết vụ khiếu nại Quyết định hành chính số 10461/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 và Quyết định số 5283/QĐ-UBND ngày 15/5/2014 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân và tư vấn pháp luật liên quan đến tranh chấp trên. Thời hạn hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký kết và thanh toán thù lao cho đến khi có quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Phương thức tính thù lao luật sư theo vụ việc. Mức thù lao (chưa có thuế GTGT) là 100.000.000 đồng và chi phí thực hiện công việc là 100.000.000 đồng. Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho bên B ít nhất là 15 ngày, hoàn trả thù lao đã nhận và báo cáo tiến trình thực hiện hợp đồng. Trường hợp bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên A ít nhất 15 ngày và thanh toán thù lao theo thỏa thuận (bút lục số 28 – 29).

[3] Xét thấy, sau khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 79/2014/HĐ, thì ngày 14/6/2014 bà L đã ký giấy ủy quyền cho ông Nđại diện tham gia giải quyết khiếu nại Quyết định hành chính số 10461/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 và Quyết định số 5283/QĐ-UBND ngày 15/5/2014 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.

[4] Theo hợp đồng dịch vụ pháp lý số 79/2014/HĐ thì hai bên thỏa thuận mức thù lao theo vụ việc, mức thù lao (chưa có thuế giá trị gia tăng) là 100.000.000 đồng và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, trong trường hợp bà Lđơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho ông N ít nhất 15 ngày. Thanh toán thù lao theo thỏa thuận. Như vậy, bà Lthỏa thuận thù lao theo vụ việc, nay bà L đơn phương chấm dứt hợp đồng, nên bà Lphải chịu mưc thù lao theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng dịch vụ pháp lý là 100.000.000 đồng.

[5] Xét, từ khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 79/2014/HĐ ngày 06/6/2014 đến ngày bà L thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng ngày 22/4/2015 (khoảng 10 tháng) thì Công ty Luật TNHH CTM đã thực hiện công việc là nhận ký giấy ủy quyền của bà Lệ, làm đơn khiếu nại gửi Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh (theo biên nhận hồ sơ tranh chấp, khiếu nại hoặc tố cáo do Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh nhận ngày 17/6/2014) (bút lục số 99) và ngày 12/10/2014 Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh có mời bà L và ông N là đại diện theo ủy quyền đến để làm việc (theo biên bản làm việc do Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 02/10/2014) (bút lục số 54); làm đơn khiếu nại gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (Thanh tra Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo về việc thu lý và đề nghị cung cấp hồ sơ giải quyết khiếu nại số 859/TB-TT ngày 14/8/2014 gửi Ủy ban nhân dân quận Bình Tân) (bút lục số 52); làm đơn xin tiếp công dân gửi Ủy ban nhân dân quận Bình Tân (theo văn bản số 288/VP-TCD ngày 04/3/2015) (bút lục số 53); làm Văn bản số 79/2014/CV ngày 15/12/2014 của Văn phòng Luật sư CTM đề nghị cung cấp thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 tờ bản đồ số 2 xã Bình Hưng Hòa, huyện Bình Chánh (nay là phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân) của bà Trương Nhật L (Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản trả lời ngày 15/01/2015) (bút lục số 96); làm văn bản số 79/2014/CV ngày 01/12/2014 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (bút lục số 72 – 75) và Văn phòng Chính phủ (bút lục số 67 – 69); Làm đơn khiếu nại, tố cáo gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, ông Ncó gửi các văn bản cho bà Lqua email 32 lần kèm theo các tài liệu (bút lục số 59) và email trao đổi giữa ông Nvà bà Lệ. Do đó, bà Lkháng cáo cho rằng Công ty Luật TNHH CTMcó chất lượng kém, chưa mẫn cán với công việc nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã không giải quyết đơn khiếu nại lần hai của bà theo thẩm quyền mà để Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh chuyển đơn về Ủy ban nhân dân quận Bình Tân giải quyết, làm vụ việc kéo dài là do lỗi của Công ty Luật TNHH CTM, nên yêu cầu Công ty Luật TNHH CTM hoàn trả lại số tiền 150.000.000 đồng, là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[6] Theo hợp đồng dịch vụ pháp lý số 79/2014/HĐ ngày 06/6/2014 thì hai bên thỏa thuận chi phí thực hiện công việc là 100.000.000 đồng, tuy nhiên hai bên không có thỏa thuận tiến trình thực hiện công việc cụ thể và trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì sẽ chịu trách nhiệm như thế nào.

[7] Thực tế thì ông Nlà người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH CTMđã thực hiện được những công việc nêu trên, nên ngày 11/01/2018, ông Hùng là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Luật TNHH CTMđồng ý hoàn trả lại chi phí thực hiện công việc cho bà Lsố tiền 60.000.000 đồng là phù hợp.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L và giữ nguyên án sơ thẩm, là có căn cứ, nên chấp nhận.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên án sơ thẩm, nên bà Lphải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp yêu cầu kháng cáo của bà Trương Nhật L.

2. Giữ nguyên bản án số 45/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý số 79/2014/HĐ ngày 06/6/2014 giữa Công ty Luật TNHH CTMvà bà Trương Nhật L.

Buộc Công ty Luật TNHH CTM có trách nhiệm trả lại cho bà Trương Nhật L số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Trương Nhật L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Luật TNHH CTM chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty Luật TNHH CTM phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Luật TNHH CTM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Bà Trương Nhật L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) được trừ vào số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí do bà Trương Nhật L nộp theo biên lai thu số 0000211 ngày 24/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân. Bà L còn phải nộp thêm 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Nhật L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí do bà Trương Nhật L nộp theo biên lai thu số 0043435 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận Bình Tân;
- TAND quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu (T/.15)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tường